

Số: SOS/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 11 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử
trình độ đại học, hệ chính quy, khóa đào tạo 2018-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY, ngày 31/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa học xã hội và Nhân văn Trường Đại học Phú Yên;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Sư phạm Lịch sử** (*chuyên ngành Lịch sử - Địa lý*) (**mã số 7140218**) trình độ đại học hệ chính quy, khoá đào tạo 2018-2022.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

*TS. Nguyễn Định

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 505/QĐ-ĐHPY ngày 11 tháng 9 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

Tên chương trình: SỬ PHẠM LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: SỬ PHẠM LỊCH SỬ

Mã số: 7140218. Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử - Địa lý thuộc khối ngành sư phạm có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có khả năng làm việc tốt, có tinh thần phục vụ cộng đồng.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Chuẩn đầu ra chung (về Lý luận chính trị, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Ngoại ngữ, Tin học)

Theo Chuẩn đầu ra chung các ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Phú Yên.

2.2. Kiến thức

Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản và hiện đại của ngành Lịch sử - Địa lý;

Hình thành kiến thức cơ bản trong lĩnh vực giáo dục đại cương và nghiệp vụ sư phạm;

Có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả dạy học môn Lịch sử, Địa lý ở trường Trung học phổ thông; đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục Trung học phổ thông về quy mô, chất lượng, hiệu quả, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.3. Kỹ năng

Vận dụng kiến thức Lịch sử, địa lý đúng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy môn Lịch sử, Địa lý ở trường Trung học phổ thông;

Thực hiện nhiệm vụ giáo dục tư tưởng, đạo đức, thái độ học sinh thông qua giảng dạy môn Lịch sử, Địa lý trong các hoạt động chính khóa và ngoại khóa.

2.4. Thái độ

- Tâm huyết với nghề; có tinh thần cầu tiến, tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

- Có ý thức tổ chức kỉ luật, thường xuyên giữ gìn, phát huy đạo đức nhà giáo trong công việc và cuộc sống;

- Có tinh thần đoàn kết, hợp tác với đồng nghiệp trong công việc; quan hệ, phối hợp với phụ huynh và cộng đồng dân cư trong công tác rèn luyện, giáo dục học sinh;

- Có ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường.

2.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Ứng xử đúng với các giá trị lịch sử, môi trường tự nhiên, văn hóa và đạo đức truyền thống của dân tộc;

Yêu thích bộ môn Lịch sử, Địa lý và có ý thức phấn đấu trong chuyên môn, cải tiến phương pháp dạy học. Yêu thương, tôn trọng học sinh và hợp tác tốt với đồng nghiệp.

2.6. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Giảng dạy môn Lịch sử, Địa lý ở các trường THPT;

Làm công tác chuyên môn ở các cơ sở quản lý giáo dục, các lĩnh vực có liên quan đến ngành học như Bảo tàng, Văn hóa – Du lịch, đánh giá tác động tài nguyên - môi trường.

2.7. Khả năng học tập nâng cao

Học trên đại học ngành Lịch sử, Địa lý và một số chuyên ngành như Khảo cổ học, Dân tộc học, Tài nguyên Môi trường, Địa chất.

Có khả năng tự nghiên cứu khoa học, tham gia các hội thảo, chuyên đề về lịch sử, địa lý.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng đơn vị tín chỉ):

Tổng số tín chỉ toàn khóa là 134 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (*chưa kể Giáo dục thể chất 4 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 tín chỉ*).

| TT | Cấu trúc kiến thức của chương trình | Tín chỉ | Tín chỉ bắt buộc | Tín chỉ tự chọn |
|------------------|---|------------|------------------|-----------------|
| 1 | Kiến thức giáo dục đại cương (<i>chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh</i>) | 36 | 32 | 4 |
| 2 | Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | 98 | 76 | 15 |
| 2.1 | Kiến thức cơ sở | 18 | 16 | 2 |
| 2.2 | Kiến thức ngành | 36 | 30 | 6 |
| 2.3 | Kiến thức bổ trợ | 2 | 0 | 2 |
| 2.4 | Kiến thức nghiệp vụ sư phạm | 26 | 26 | 0 |
| 2.5 | Thực tế, Thực tập sư phạm tốt nghiệp | 9 | 9 | 0 |
| 2.6 | Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế) | 7 | 0 | 7 |
| Tổng cộng | | 134 | 113 | 21 |

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo quy chế Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Thực hiện theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHPY ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. Cách thức đánh giá: Thực hiện theo Quyết định 430/QĐ-ĐHPY ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

| STT | Mã HP | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | | Học phần tiên quyết (Số tiết tự HP) |
|--------------|--|---|-----------|----------------------|------------|------------|-----------------|-------------------------------------|
| | | | | LT | BT/TL | TH/TT | Tự học (nếu có) | |
| 7.1 | Kiến thức giáo dục đại cương | | 36 | 446 | 59 | 70 | 0 | |
| 7.1.1 | Lí luận chính trị | | 10 | 150 | 0 | 0 | 0 | |
| 1 | LC110012 | Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 1 | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | LC110113 | Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2 | 3 | 45 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 3 | LC120012 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | 2 |
| 4 | LC120113 | Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam | 3 | 45 | 0 | 0 | 0 | 3 |
| 7.1.2 | Khoa học xã hội | | 8 | 111 | 9 | 0 | 0 | |
| | - Bắt buộc: | | 6 | 81 | 9 | 0 | 0 | |
| 5 | LC130012 | Pháp luật đại cương | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | 4 |
| 6 | XH120122 | Nhập môn xã hội học | 2 | 26 | 4 | 0 | 0 | |
| 7 | XH140012 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| | - Tự chọn: chọn 2/4 tín chỉ | | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | |
| 8 | XH113032 | Tiếng Việt thực hành | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | |
| 9 | XH113602 | Hán – Nôm | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | |
| 7.1.3 | Nhân văn-Nghệ thuật | | 4 | 45 | 0 | 30 | 0 | |
| 10 | TL111322 | Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm | 2 | 15 | 0 | 30 | 0 | |
| 11 | TL111032 | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | |
| 7.1.4 | Ngoại ngữ | | 9 | 90 | 45 | 0 | 0 | |
| 12 | NG116263 | Tiếng Anh 1 (B1.1) | 3 | 30 | 15 | 0 | 0 | |
| 13 | NG116273 | Tiếng Anh 2 (B1.2) | 3 | 30 | 15 | 0 | 0 | 12 |
| 14 | NG116283 | Tiếng Anh 3 (B1.3) | 3 | 30 | 15 | 0 | 0 | 13 |
| 7.1.5 | Toán-Tin học-Khoa học Tự nhiên - Công nghệ-Môi trường | | 5 | 50 | 5 | 40 | 0 | |
| | - Bắt buộc: | | 3 | 25 | 0 | 40 | 0 | |
| 15 | KC100013 | Tin học đại cương | 3 | 25 | 0 | 40 | 0 | |
| | - Tự chọn: chọn 2/4 tín chỉ | | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 16 | TN143012 | Môi trường và con người | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 17 | LC110122 | Logic học đại cương | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 7.1.6 | Giáo dục thể chất | | 4 | 0 | 0 | 120 | 0 | |
| 18 | TC150011 | Giáo dục thể chất 1 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | |
| 19 | TC151011 | Giáo dục thể chất 2 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | |
| 20 | TC152011 | Giáo dục thể chất 3 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | |
| 21 | TC152071 | Giáo dục thể chất 4 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | |
| 7.1.7 | Giáo dục quốc phòng – an ninh | | | | | | | |
| 22 | TC160018 | Giáo dục quốc phòng – an ninh | 8 | 8 tín chỉ = 165 tiết | | | | |
| 7.2 | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | | 98 | 1060 | 215 | 120 | 0 | |
| 7.2.1 | Kiến thức cơ sở ngành | | 18 | 235 | 35 | 0 | 0 | |

| | | | | | | | | |
|--------------|------------------------------------|---|-----------|------------|-----------|------------|----------|------|
| | - Bắt buộc: | | 16 | 210 | 30 | 0 | 0 | |
| 23 | XH120123 | Nhập môn sử học và khảo cổ học | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 24 | XH120032 | Đại cương dân tộc học | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 25 | XH125002 | Phương pháp luận sử học | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | 23 |
| 26 | XH120052 | Lịch sử văn minh thế giới | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 27 | XH131013 | Địa lý tự nhiên đại cương | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 28 | XH132013 | Địa lý kinh tế - xã hội đại cương | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | 27 |
| | - Tự chọn: chọn 2/4 tín chỉ | | 2 | 25 | 5 | 0 | | |
| 29 | XH130042 | Địa chất học | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 30 | XH120522 | Bản đồ học | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 7.2.2 | Kiến thức ngành | | 36 | 465 | 75 | 0 | 0 | |
| | - Bắt buộc: | | 30 | 390 | 60 | 0 | 0 | |
| 31 | XH121003 | Lịch sử thế giới cổ - trung đại | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | 23 |
| 32 | XH121313 | Lịch sử thế giới cận đại | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | 31 |
| 33 | XH121612 | Lịch sử thế giới hiện đại | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | 32 |
| 34 | XH122003 | Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | 23 |
| 35 | XH122313 | Lịch sử Việt Nam cận đại | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | 34 |
| 36 | XH122612 | Lịch sử Việt Nam hiện đại | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | 35 |
| 37 | XH100032 | Lịch sử Đông Nam Á | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 38 | XH133013 | Địa lý các châu lục | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 39 | XH130612 | Địa lý tự nhiên Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | 27 |
| 40 | XH130623 | Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | 27 |
| 41 | XH121642 | Thế giới trong và sau chiến tranh lạnh | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 42 | XH110072 | Lịch sử sử học | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| | - Tự chọn: chọn 6/12 TC | | 6 | 75 | 15 | 0 | 0 | |
| 43 | XH120242 | Làng xã Việt Nam: truyền thống và hiện đại | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 44 | XH122382 | Nhân danh và địa danh Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 45 | XH131102 | Biển và đảo Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 46 | XH131112 | Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 47 | XH120252 | Các cuộc cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 48 | XH122322 | Một số vấn đề triều Nguyễn ở thế kỉ XIX | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 7.2.3 | Kiến thức bổ trợ | | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| | - Tự chọn: chọn 2/4 TC | | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 49 | LC110152 | Tôn giáo học đại cương | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | |
| 50 | LC110162 | Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 7.2.4 | Kiến thức nghiệp vụ sư phạm | | 26 | 245 | 85 | 120 | 0 | |
| 51 | TL110012 | Tâm lý học đại cương | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | 1, 2 |
| 52 | TL110022 | Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | 51 |
| 53 | TL100172 | Giáo dục học 1 | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | 52 |
| 54 | TL111022 | Giáo dục học 2 | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | 52 |
| 55 | TL110001 | Rèn luyện NVSP thường xuyên 1 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | 54 |
| 56 | TL110141 | Rèn luyện NVSP thường xuyên 2 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | 55 |

| | | | | | | | | |
|------------------|--|--|------------|-------------|------------|------------|----------|----|
| 57 | TL110151 | Rèn luyện NVSP thường xuyên 3 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | 56 |
| 58 | TL110161 | Rèn luyện NVSP thường xuyên 4 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | 57 |
| 59 | TL111232 | Quản lý nhà trường | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | |
| 60 | XH125013 | Lí luận dạy học lịch sử | 3 | 35 | 10 | 0 | 0 | 25 |
| 61 | XH125032 | Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương | 2 | 15 | 15 | 0 | 0 | |
| 62 | XH125052 | Giảng dạy theo hướng tiếp cận tư liệu lịch sử | 2 | 15 | 15 | 0 | 0 | |
| 63 | XH134073 | Lí luận dạy học địa lý | 3 | 35 | 10 | 0 | 0 | |
| 64 | XH120642 | Nghiên cứu và giảng dạy địa lý địa phương | 2 | 15 | 15 | 0 | 0 | |
| 7.2.5 | Thực tập sư phạm tốt nghiệp, thực tế | | 9 | 0 | 405 | 0 | 0 | |
| 65 | XH125112 | Thực tế bộ môn (Lịch sử - Địa lý) | 2 | 0 | 90 | 0 | 0 | |
| 66 | DT100027 | Thực tập sư phạm tốt nghiệp (10 tuần) | 7 | 0 | 315 | 0 | 0 | |
| 7.2.6 | Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phân thay thế | | 7 | 90 | 15 | 0 | 0 | |
| | Khóa luận tốt nghiệp | | 7 | | | | | |
| | Học phân thay thế khóa luận tốt nghiệp | | 7 | 90 | 15 | 0 | 0 | |
| | - Tự chọn: 7/14 tín chỉ | | 7 | 90 | 15 | 0 | 0 | |
| 67 | XH122333 | Việt Nam trong sự phát triển của lịch sử thế giới từ cuối thế kỉ XIX đến nay | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 68 | XH122692 | Hồ Chí Minh – vị anh hùng dân tộc | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 69 | XH121352 | ASEAN: những chặng đường lịch sử | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 70 | XH121682 | Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 71 | XH135022 | Biến đổi khí hậu | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 72 | XH135032 | Kinh tế xanh và phát triển bền vững | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| Tổng cộng | | | 134 | 1506 | 274 | 190 | 0 | |

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

8.1. Học kỳ I: 15 TC (bắt buộc)

| TT | Mã HP | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | | Ghi chú |
|------------------|----------|--------------------------------|-----------|------------|-----------|----------|-----------------|---------|
| | | | | LT | BT/TL | TH/TT | Tự học (nếu có) | |
| 1 | NG116263 | Tiếng Anh 1 (B1.1) | 3 | 30 | 15 | 0 | 0 | |
| 2 | LC110012 | Những NLCB của CN Mác-Lênin 1 | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | TC150011 | Giáo dục thể chất 1 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | |
| 4 | XH120123 | Nhập môn sử học và khảo cổ học | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 5 | XH120032 | Đại cương dân tộc học | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 6 | XH131013 | Địa lý tự nhiên đại cương | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 7 | XH140012 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| Tổng cộng | | | 15 | 190 | 35 | 0 | 0 | |

8.2. Học kỳ II: 19 TC (bắt buộc: 17 TC, tự chọn: 2 TC)

| TT | Mã HP | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | | Ghi chú |
|--------------------|----------|---------------------------------|-----------|------------|-----------|-----------|-----------------|----------------|
| | | | | LT | BT/TL | TH/TT | Tự học (nếu có) | |
| - Bắt buộc: | | | 17 | 205 | 30 | 40 | 0 | |
| 1 | LC110013 | Những NLCB của CN Mác-Lênin 2 | 3 | 45 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | NG116273 | Tiếng Anh 2 (B1.2) | 3 | 30 | 15 | 0 | 0 | |
| 3 | TC151011 | Giáo dục thể chất 2 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | |
| 4 | TL110012 | Tâm lý học đại cương | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 5 | KC100013 | Tin học đại cương | 3 | 25 | 0 | 40 | 0 | |
| 6 | XH125002 | Phương pháp luận sử học | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 7 | XH121003 | Lịch sử thế giới cổ - trung đại | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| - Tự chọn : | | | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 8 | XH113032 | Tiếng Việt thực hành | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | Chọn 2/4 TC |
| 9 | XH113602 | Hán - Nôm | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| Tổng cộng | | | 19 | 230 | 35 | 40 | 0 | |

8.3. Học kỳ III: 19 TC (bắt buộc: 17 TC, tự chọn: 2 TC)

| TT | Mã HP | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | | Ghi chú |
|--------------------|----------|---|-----------|------------|-----------|-----------|-----------------|----------------|
| | | | | LT | BT/TL | TH/TT | Tự học (nếu có) | |
| - Bắt buộc: | | | 17 | 195 | 30 | 60 | 0 | |
| 1 | LC110012 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | NG116283 | Tiếng Anh 3 (B1.3) | 3 | 30 | 15 | 0 | 0 | |
| 3 | TC152011 | Giáo dục thể chất 3 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | |
| 4 | TL110022 | Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 5 | TL110011 | Rèn luyện NVSP thường xuyên 1 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | |
| 6 | LC130012 | Pháp luật đại cương | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | |
| 7 | TL100172 | Giáo dục học 1 | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 8 | XH122003 | Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 9 | TL111322 | Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm | 2 | 15 | 0 | 30 | 0 | |
| - Tự chọn: | | | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 10 | XH130042 | Địa chất học | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | Chọn 2/4 TC |
| 11 | XH120522 | Bản đồ học | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| Tổng cộng | | | 19 | 220 | 35 | 60 | 0 | |

8.4. Học kỳ IV: 17 TC (bắt buộc)

| TT | Mã HP | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | | Ghi chú |
|------------------|----------|--|-----------|----------------------|-----------|-----------|-----------------|---------|
| | | | | LT | BT/TL | TH/TT | Tự học (nếu có) | |
| 1 | LC120113 | Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam | 3 | 45 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | TL111022 | Giáo dục học 2 | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 3 | TL110141 | Rèn luyện NVSP thường xuyên 2 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | |
| 4 | TC152071 | Giáo dục thể chất 4 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | |
| 5 | TC160018 | Giáo dục quốc phòng - an ninh | 8 | 8 tín chỉ = 165 tiết | | | | |
| 6 | XH132013 | Địa lý kinh tế - xã hội đại cương | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 7 | XH121313 | Lịch sử thế giới cận đại | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 8 | XH122313 | Lịch sử Việt Nam cận đại | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 9 | XH133013 | Địa lý các châu lục | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| Tổng cộng | | | 17 | 215 | 25 | 30 | 0 | |

8.5. Học kỳ V: 16 TC (bắt buộc: 14 TC, tự chọn: 2 TC)

| TT | Mã HP | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | | Ghi chú |
|--------------------|----------|-----------------------------------|-----------|------------|-----------|--------------------|-----------------|---------|
| | | | | LT | BT/TL | TH/TT | Tự học (nếu có) | |
| - Bắt buộc: | | | 16 | 165 | 30 | 30 | 0 | |
| 1 | TL110151 | Rèn luyện NVSP thường xuyên 3 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | |
| 2 | XH121612 | Lịch sử thế giới hiện đại | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 3 | XH122612 | Lịch sử Việt Nam hiện đại | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 4 | XH130612 | Địa lý tự nhiên Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 5 | XH130623 | Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 6 | XH125013 | Lí luận dạy học lịch sử | 3 | 35 | 10 | 0 | 0 | |
| 7 | XH125112 | Thực tế bộ môn (Lịch sử - Địa lý) | 2 | 0 | 0 | 90 giờ | 0 | |
| - Tự chọn: | | | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 8 | TN143012 | Môi trường và con người | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 9 | LC110122 | Logic học đại cương | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| Tổng cộng | | | 18 | 190 | 35 | 30 + 90 giờ | 0 | |

8.6. Học kỳ VI: 16 TC (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 4 TC)

| TT | Mã HP | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | | Ghi chú |
|--------------------|----------|--------------------------------------|-----------|------------|-----------|-----------|-----------------|---------|
| | | | | LT | BT/TL | TH/TT | Tự học (nếu có) | |
| - Bắt buộc: | | | 12 | 131 | 34 | 30 | 0 | |
| 1 | TL110161 | Rèn luyện NVSP thường xuyên 4 | 1 | 0 | 0 | 30 | 0 | |
| 2 | TL111032 | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | |

| | | | | | | | | |
|-------------------|----------|---|-----------|------------|-----------|-----------|----------|----------------|
| | | đục | | | | | | |
| 3 | XH125052 | Giảng dạy theo hướng tiếp cận tư liệu lịch sử | 2 | 15 | 15 | 0 | 0 | |
| 4 | XH134073 | Lí luận dạy học địa lý | 3 | 35 | 10 | 0 | 0 | |
| 5 | XH120122 | Nhập môn xã hội học | 2 | 26 | 4 | 0 | 0 | |
| 6 | XH120052 | Lịch sử văn minh thế giới | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| - Tự chọn: | | | 4 | 50 | 10 | 0 | 0 | |
| 7 | XH120252 | Các cuộc cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | Chọn 2/4 TC |
| 8 | XH122322 | Một số vấn đề triều Nguyễn ở thế kỉ XIX | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 9 | XH131102 | Biên đảo Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | Chọn 2/4 TC |
| 10 | XH131112 | Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| Tổng cộng | | | 16 | 181 | 44 | 30 | 0 | |

8.7. Học kỳ VII: 16 TC (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 4 TC)

| TT | Mã HP | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | | Ghi chú |
|--------------------|----------|--|-----------|------------|-----------|----------|-----------------|----------------|
| | | | | LT | BT/TL | TH/TT | Tự học (nếu có) | |
| - Bắt buộc: | | | 12 | 135 | 45 | 0 | 0 | |
| 1 | TL111232 | Quản lí nhà trường | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | XH110072 | Lịch sử sử học | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 3 | XH100032 | Lịch sử Đông Nam Á | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 4 | XH125032 | Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương | 2 | 15 | 15 | 0 | 0 | |
| 5 | XH120642 | Nghiên cứu và giảng dạy địa lý địa phương | 2 | 15 | 15 | 0 | 0 | |
| 6 | XH121642 | Thế giới trong và sau chiến tranh lạnh | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| - Tự chọn: | | | 4 | 55 | 5 | 0 | 0 | |
| 7 | LC110152 | Tôn giáo học đại cương | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | Chọn 2/4 TC |
| 8 | LC110162 | Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 9 | XH120242 | Làng xã Việt Nam: truyền thống và hiện đại | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | Chọn 2/4 TC |
| 10 | XH122382 | Nhân danh và địa danh Việt Nam | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| Tổng cộng | | | 16 | 190 | 50 | 0 | 0 | |

8.8. Học kỳ VIII: 14 TC (bắt buộc)

| TT | Mã HP | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | | Ghi chú |
|------------------|----------|--|-----------|-----------|-----------|----------------|-----------------|-------------|
| | | | | LT | BT/TL | TH/TT | Tự học (nếu có) | |
| 1 | DT100027 | Thực tập sư phạm tốt nghiệp | 7 | 0 | 0 | 315 giờ | 0 | |
| | | <i>Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế</i> | 7 | | | | | |
| | | <i>Khóa luận tốt nghiệp</i> | 7 | | | | | |
| | | <i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i> | 7 | 90 | 15 | 0 | 0 | |
| | | - Tự chọn: | 7 | 90 | 15 | 0 | 0 | |
| 2 | XH122333 | Việt Nam trong sự phát triển của lịch sử thế giới từ cuối thế kỉ XIX đến nay | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | Chọn 3/6 TC |
| 3 | XH122692 | Hồ Chí Minh – vị anh hùng dân tộc | 3 | 40 | 5 | 0 | 0 | |
| 4 | XH121352 | ASEAN: những chặng đường lịch sử | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | Chọn 2/4 TC |
| 5 | XH121682 | Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| 6 | XH135022 | Biến đổi khí hậu | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | Chọn 2/4 TC |
| 7 | XH135032 | Kinh tế xanh và phát triển bền vững | 2 | 25 | 5 | 0 | 0 | |
| Tổng cộng | | | 14 | 90 | 15 | 315 giờ | 0 | |

9. Mô tả tóm tắt nội dung cần đạt được của học phần**9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất – ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; phép biện chứng và phép biện chứng duy vật; các nguyên lý cơ bản, các phạm trù và quy luật của phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; tồn tại xã hội và ý thức xã hội; hình thái kinh tế - xã hội; đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội; quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về kinh tế - chính trị học Mác – Lênin: Học thuyết giá trị và giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2.

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Đặc biệt nhấn mạnh sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước ta trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đổi mới đất nước hiện nay.

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Đường lối của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Đường lối của Đảng về tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm: đường lối về công nghiệp hóa, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng hệ thống chính trị, về xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, về đối ngoại; trong đó tập trung chủ yếu vào đường lối xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới.

9.5. Pháp luật đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần về Quản lý nhà trường; Soạn thảo văn bản; các học phần pháp luật chuyên ngành

9.6. Nhập môn xã hội học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về những vấn đề cơ bản của Xã hội học: lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học; đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của Xã hội học; một số khái niệm cơ bản của Xã hội học: cơ cấu xã hội, thiết chế xã hội, vị thế - vai trò xã hội, xã hội hóa, hành động xã hội; một số lĩnh vực nghiên cứu Xã hội học chuyên biệt: đô thị, nông thôn, gia đình, dư luận xã hội; phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu Xã hội học.

9.7. Cơ sở văn hóa Việt Nam

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm: Các khái niệm cơ bản: văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật; cấu trúc, chức năng văn hóa; chủ thể, không gian và tiến trình văn hóa Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam.

9.8. Tiếng Việt thực hành

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần rèn luyện và phát triển những kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho sinh viên, gồm: Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, đặc biệt là kỹ năng soạn thảo văn bản

hành chính và quy trình làm một bài văn (phân tích đề, lập dàn bài, cách viết mở bài và kết luận)...; rèn kỹ năng đặt câu, dùng từ; rèn kỹ năng viết đúng chính tả.

9.9. Hán – Nôm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về chữ Hán, về hệ thống di sản văn hóa Hán Nôm và kỹ năng phiên âm, dịch nghĩa sắc phong, bằng cấp để người học có thể đọc hiểu được một số loại văn bản thuộc di sản văn hóa Hán Nôm.

9.10. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông. Sinh viên được tích lũy kiến thức, rèn kỹ năng nghề, tăng cường kỹ năng sống; Phát huy năng lực, phẩm chất trong hoạt động thực tế của nghề nghiệp; Tăng cường khả năng tự làm chủ bản thân, chủ động, tích cực giải quyết các tình huống của nghề nghiệp và cuộc sống; Tạo tính năng động, có thể thích ứng với những biến đổi của đời sống; Khơi dậy khát khao sáng tạo, tìm được cách giải quyết tối ưu những vấn đề đặt ra đối với nghề nghiệp và cuộc sống.

9.11. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học.

Học phần này cũng giúp cho sinh viên nắm vững được các thao tác nghiên cứu khoa học, biết xây dựng, chứng minh, trình bày luận điểm khoa học, có phương pháp học tập, nghiên cứu và biết vận dụng các kỹ năng nghiên cứu trong học tập...

9.12. Tiếng Anh 1 (B1.1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở đầu trình độ bậc 3 (B1.1) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.13. Tiếng Anh 2 (B1.2)

3TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở giữa trình độ bậc 3 (B1.2) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.14. Tiếng Anh 3 (B1.3)

3TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở cuối trình độ bậc 3 (B1.3) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Cuối học phần này, sinh viên có thể tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ năng lực Tiếng Anh bậc 3.

9.15. Tin học đại cương

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm các phần:

- Những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

9.16. Môi trường và con người

2 TC

Điều kiện tiên quyết : không

Nội dung học phần đề cập đến: Phần mở đầu; Các nguyên lí sinh thái ứng dụng trong môi trường; Dân số, tài nguyên và môi trường; Các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và môi trường; Tài nguyên thiên nhiên; Ô nhiễm môi trường; Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

9.17. Logic học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức đại cương về Logic học, các khái niệm cơ bản của Logic hình thức và các tính chất cơ bản của Logic; vận dụng logic học để nâng cao năng lực tư duy khoa học và năng lực sử dụng ngôn ngữ.

9.18. Giáo dục thể chất 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhào lộn, bài thể dục nhảy dây ngắn nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tổ chức thể lực.

9.19. Giáo dục thể chất 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu ưỡn thân, một số điều luật thi đấu môn nhảy xa và đẩy tạ.

9.20. Giáo dục thể chất 3 (chọn 1 trong 5 học phần)

1 TC

9.20.1. Cầu lông 1

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.

9.20.2. Bóng chuyên 1

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyên; phổ biến một số điều luật cơ bản.

9.20.3. Bóng đá 1

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

9.20.4. Bóng bàn 1

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.

9.20.5. Võ Cổ truyền 1

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tổ chất thể lực cho cơ thể.

9.21. Giáo dục thể chất 4 (chọn 1 trong 5 học phần)

1 TC

9. 21.1. Cầu lông 2

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Cầu lông 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn cầu lông; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

9. 21.2. Bóng chuyên 2

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyên 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng chuyên; phổ biến luật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

9. 21.3. Bóng đá 2

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng đá 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật bóng đá 7 người.

9. 21.4. Bóng bàn 2

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng bàn 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng bàn; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật đánh đôi.

9. 21.5. Võ Cổ truyền 2

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Võ Cổ truyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn võ cổ truyền; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

9.22. Giáo dục Quốc phòng - An ninh

8 TC

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh.

9.23. Nhập môn sử học và khảo cổ học

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức:

- Nhập môn Sử học: Những hiểu biết cơ bản về khoa học Lịch sử; Sơ lược lịch sử phát triển của khoa học Lịch sử; Một số quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về lịch sử và nhận thức lịch sử; Phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học Lịch sử ở trường đại học.

- Khảo cổ học: Những hiểu biết cơ bản về khoa học khảo cổ; lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Khảo cổ học; các thời đại Khảo cổ học thế giới và Việt Nam.

9.24. Đại cương dân tộc học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về Dân tộc học như đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của Dân tộc học thế giới và Dân tộc học Việt Nam, mối quan hệ giữa Dân tộc học với các ngành khoa học khác; những đặc trưng và những hình thái của tộc người trong quá trình lịch sử; khái quát về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam: đặc điểm, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người Việt Nam.

9.25. Phương pháp luận sử học

3TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn sử học và khảo cổ học

Học phần cung cấp cho sinh viên những quan điểm cơ bản của nền sử học Mác-xít như đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và các nguyên tắc chủ đạo (tính Đảng, tính khoa học). Bước đầu làm quen với phương pháp nghiên cứu lịch sử, phân tích, phê phán các tác phẩm sử học. Trang bị những kiến thức, rèn luyện khả năng tư duy của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực sử học.

9.26. Lịch sử văn minh thế giới

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm những kiến thức cơ bản và hệ thống về sự hình thành, phát triển và những thành tựu của những nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại: văn minh cổ trung đại ở phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Ả Rập) và phương Tây (Hi Lạp, La Mã, các nước Tây Âu) và nền văn minh công nghiệp thời cận hiện đại.

Cụ thể, nội dung học phần làm rõ: sơ lược lịch sử thành lập và cấu trúc của nhà nước, những học thuyết chính trị, quan điểm triết học và tôn giáo lớn cùng những thành tựu khoa học tự nhiên, kĩ thuật và văn học nghệ thuật; sự tiếp xúc giữa các nền văn minh trong lịch sử.

9.27. Địa lý tự nhiên đại cương

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần đề cập đến: Đối tượng, nhiệm vụ và các phương pháp nghiên cứu Địa lý tự nhiên đại cương; Cấu tạo, hình dạng, kích thước của Trái Đất và những hệ quả của nó; Vận động của Trái Đất và các hệ quả địa lý; Thạch quyển; Khí quyển; Thủy quyển.

9.28. Địa lý kinh tế - xã hội đại cương

2TC

Điều kiện tiên quyết: Địa lý tự nhiên đại cương

Học phần đề cập đến: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu; Môi trường, Tài nguyên và nền sản xuất xã hội; Địa lý dân cư và quần cư; Một số vấn đề địa lý xã hội; Một số vấn đề chung về kinh tế; Địa lý các ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ).

9.29. Địa chất học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần đề cập đến: Đối tượng, nhiệm vụ và các phương pháp nghiên cứu Địa chất học, Địa chất lịch sử; Cấu tạo và các tính chất vật lý, hóa học của Trái Đất; Đại cương

khoáng vật và đá; Các quá trình địa chất nội lực, ngoại lực, các thuyết địa kiến tạo; Cơ sở cổ sinh vật; Lịch sử phát triển vỏ Trái Đất.

9.30. Bản đồ học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần đề cập đến: Bản đồ học và bản đồ địa lý; Cơ sở toán học của bản đồ địa lý; Ngôn ngữ bản đồ; Tổng quát hóa bản đồ địa lý; Phân loại, quy trình thành lập và phương pháp sử dụng bản đồ địa lý dùng trong nhà trường.

9.31. Lịch sử thế giới cổ trung đại

3TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn sử học và khảo cổ học

Học phần bao gồm hệ thống những kiến thức cơ bản của Lịch sử Thế giới cổ - trung đại, trong đó tập trung vào những vấn đề chính của lịch sử xã hội nguyên thủy với những đặc trưng cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần; sự hình thành, phát triển của xã hội cổ đại thông qua hai mô hình chủ yếu (xã hội cổ đại phương Đông và xã hội cổ đại Hy Lạp - Rôma); quá trình hình thành, phát triển và suy tàn của xã hội phong kiến; những nét chính về lịch sử một số quốc gia phong kiến ở Châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ và Đông Nam Á.

9.32. Lịch sử thế giới cận đại

2TC

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới cổ - trung đại

Học phần bao gồm hệ thống những kiến thức cơ bản của Lịch sử Thế giới thời cận đại, tập trung vào những vấn đề chính như: lịch sử ra đời, phát triển của chủ nghĩa tư bản và quá trình xác lập hệ thống tư bản chủ nghĩa trên phạm vi thế giới; phong trào công nhân, phong trào cộng sản và quá trình hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học; quá trình chủ nghĩa thực dân xâm chiếm thuộc địa, phong trào đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc của các nước Á - Phi - Mĩ Latinh thời cận đại.

9.33. Lịch sử thế giới hiện đại

2TC

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới cận đại

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại sau: 1- Cách mạng tháng Mười Nga 1917 và chủ nghĩa xã hội hiện thực từ 1917 đến nay; 2- Các nước tư bản từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay; 3- Các nước Á, Phi, Mĩ Latinh từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay.

9.34. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại

3TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn sử học và khảo cổ học

Học phần bao gồm tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam từ khởi thủy đến nửa đầu thế kỉ XIX, tập trung vào các vấn đề: thời nguyên thủy trên đất nước Việt Nam (dấu vết và các giai đoạn phát triển); thời kỳ Bắc thuộc và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam giành độc lập và bảo vệ đất nước, phát huy nền văn hoá dân tộc, xây dựng quyền tự chủ; Việt Nam độc lập tự chủ trong các thế kỉ X - XV; Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII; Việt Nam trong nửa đầu thế kỉ XIX. Tạo tiền đề lịch sử cho giai đoạn cận đại.

9.35. Lịch sử Việt Nam cận đại

2TC

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản của lịch sử dân tộc từ giữa thế kỉ XIX (khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta đến Cách mạng tháng Tám 1945), cụ thể gồm: Việt Nam trước cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp (1858 - 1884); tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX; hoàn cảnh, điều kiện mới của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỉ XX; các khuynh hướng và đảng phái chính trị ở Việt Nam trước năm 1945;

phong trào cách mạng Việt Nam theo khuynh hướng vô sản từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam xuất hiện đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi.

9.36. Lịch sử Việt Nam hiện đại

3TC

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cận đại.

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945 đến nay. Cung cấp kiến thức lịch sử đất nước qua các cuộc đấu tranh giai đoạn 1945 - 1954; công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam (1954 - 1975); xây dựng và bảo vệ, đổi mới đất nước từ sau 1975 đến nay.

9.37. Lịch sử Đông Nam Á

2TC

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

Học phần giới thiệu khái quát về các nước Đông Nam Á từ cổ đại đến hiện đại:

- Các quốc gia cổ Đông Nam Á: sự hình thành, đặc điểm và ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ đối với các quốc gia cổ;

- Thời kì quốc gia phong kiến dân tộc: quá trình hình thành và phát triển; tác động sự xâm lược của quân Nguyên – Mông; nguyên nhân sự suy thoái;

- Thời kì đấu tranh giành độc lập dân tộc: sự xâm lược của thực dân phương Tây và quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á.

- Quá trình tái thiết quốc gia và liên kết khu vực sau khi giành độc lập.

9.38. Địa lý các châu lục

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về địa lý tự nhiên và địa lý kinh tế - xã hội của các châu lục trên thế giới.

9.39. Địa lý tự nhiên Việt Nam

2TC

Điều kiện tiên quyết: Địa lý tự nhiên đại cương

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về địa lý tự nhiên Việt Nam, đặc điểm các hợp phần của tự nhiên, mối quan hệ giữa các hợp phần và mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên; những kiến thức về địa lý tự nhiên ở mỗi miền tự nhiên của đất nước.

9.40. Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam

3TC

Điều kiện tiên quyết: Địa lý tự nhiên đại cương

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nguồn lực tự nhiên, kinh tế - xã hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam; Các vấn đề kinh tế chung, kinh tế ngành, kinh tế các vùng của Việt Nam.

9.41. Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XX

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam thời cổ - trung đại đến hết thời cận đại năm 1945. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về lí luận chung của tổ chức bộ máy nhà nước thời phong kiến và các hình thức pháp luật thời phong kiến Việt Nam từ nhà nước sơ khai đến năm 1945.

9.42. Thế giới trong và sau chiến tranh lạnh

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung chủ yếu của quan hệ quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) đến nay với các nội dung chính là: cuộc Chiến tranh lạnh giữa hai siêu cường và hai hệ thống thế giới (Liên Xô và hệ thống Xã hội

chủ nghĩa với Mỹ và hệ thống tư bản chủ nghĩa); quan hệ quốc tế từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc đến nay.

9.43. Lịch sử sử học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử sử học (là một khoa học, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp học tập môn lịch sử sử học); sự hình thành nhận thức lịch sử, sự ra đời và phát triển của sử học thế giới; tiến trình lịch sử sử học Việt Nam; những tác phẩm lịch sử và nhà sử học tiêu biểu trong sự phát triển sử học; phương pháp đánh giá, nghiên cứu lịch sử sử học qua các thời đại. Từ đó, xác lập, định hướng thái độ học tập đối với sinh viên chuyên ngành sử.

9.44. Nhân danh và địa danh Việt Nam

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm kiến thức tổng quan về nhân danh và địa danh Việt Nam; Lịch sử nghiên cứu nhân danh và địa danh học; cung cấp cho sinh viên về ý nghĩa nghiên cứu nhân danh và địa danh học trong lịch sử đất nước và con người Việt Nam; Phương pháp nghiên cứu nhân danh và địa danh học; Một số nhân danh và địa danh tiêu biểu của Việt Nam.

9.45. Biển và đảo Việt Nam

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần đề cập đến: Vai trò của biển và đại dương trong đời sống con người; Khái quát về Biển Đông, các đảo, quần đảo, huyện đảo của nước ta; Các vùng biển và thềm lục địa; căn cứ khẳng định quyền trên biển, đảo; một số vấn đề nóng trên biển, đảo hiện nay ở nước ta; Giáo dục về biển và đảo trong nhà trường.

9.46. Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần đề cập đến: Những kiến thức tổng quan về phân bố, trữ lượng của các dạng tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam nói chung; Sự phân bố, trữ lượng của các dạng tài nguyên này trên 7 vùng kinh tế sinh thái của Việt Nam: vùng núi và trung du Bắc Bộ, đồng bằng Sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

9.47. Các cuộc cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Chuyên đề cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các cuộc cải cách lớn trong lịch sử trung đại Việt Nam; những tư tưởng cải cách cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và công cuộc đổi mới đất nước toàn diện do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ 1986 đến nay.

9.48. Một số vấn đề triều Nguyễn ở thế kỉ XIX

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu của Lịch sử Việt Nam thế kỉ XIX, gắn với vai trò lịch sử của vương triều Nguyễn (1802 – 1884). Những vấn đề cụ thể, gồm: sự thành lập vương triều Nguyễn, chính sách đối nội, đối ngoại, vai trò và trách nhiệm của vương triều Nguyễn đối với lịch sử dân tộc; những cách tiếp cận khác nhau về vương triều Nguyễn; những vấn đề về phương pháp luận nghiên cứu và đánh giá về vương triều Nguyễn.

9.49. Tôn giáo học đại cương**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản và hệ thống về khoa học tôn giáo, ở góc độ tôn giáo là một hiện tượng xã hội phức tạp, có lịch sử phát triển lâu dài và ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần của con người. Trên cơ sở lí luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo, sinh viên vận dụng để giải thích xu hướng vận động của tôn giáo trong lịch sử và hiện tại trên phạm vi thế giới cũng như tại Việt Nam, đồng thời nắm vững và thực hiện tốt chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

9.50. Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần đi sâu phân tích tư tưởng Ấn Độ, Trung Quốc, Ả Rập về thế giới và con người thông qua các trường phái tư tưởng chính, quá trình phát triển và ảnh hưởng của nó đối với thế giới.

Tư tưởng Việt Nam đi sâu về tư tưởng triết học, tư tưởng chính trị và tư tưởng tôn giáo. Đối với mỗi thành tố tư tưởng, học phần giới thiệu về cội nguồn, nội dung và đóng góp của nó đối với thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của con người Việt Nam.

Học phần góp phần xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

9.51. Tâm lý học đại cương**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1&2.

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lí học đại cương, hiện tượng tâm lí người, nguồn gốc và bản chất các hiện tượng tâm lí, các yếu tố tác động đến sự hình thành và biểu hiện của hiện tượng tâm lí người, tạo cơ sở cho việc tiếp thu các học phần khác về tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm, các học phần giáo dục học (Giáo dục học đại cương, Hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục), các học phần thuộc về nghiệp vụ sư phạm (Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên, Thực tập sư phạm). Bước đầu hình thành kỹ năng nghiên cứu tâm lí người.

9.52. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương.

Học phần cung cấp các kiến thức lý luận cơ bản về tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm: lý luận chung về sự phát triển tâm lí người theo các lứa tuổi, các giai đoạn, thời kỳ phát triển tâm lí con người, trong đó đi sâu vào đặc điểm tâm lí học sinh THPT; các nội dung cơ bản về tâm lí học của hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và người thầy giáo THPT.

9.53. Giáo dục học 1**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học lứa tuổi và TLH sư phạm.

Học phần cung cấp các kiến thức về cơ bản, đại cương về giáo dục học, các khái niệm, phạm trù, nguyên tắc và phương pháp của giáo dục học nói chung

9.54. Giáo dục học 2**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học 1.

Học phần cung cấp lý luận chung về giáo dục (những vấn đề lý luận về giáo dục, hệ thống giáo dục và giáo dục học); lý luận và thực hành tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục (nghĩa hẹp) trong nhà trường.

9.55. Rèn luyện NVSP thường xuyên 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

1. Học tập rèn luyện những kỹ năng chung
 - SV chẩn đoán phẩm chất, năng lực của bản thân so với yêu cầu nghề nghiệp; xây dựng kế hoạch, biện pháp tự hoàn thiện những phẩm chất năng lực của bản thân.
 - Rèn luyện phong cách văn hóa- sự phạm trong giao tiếp; vận dụng kiến thức tâm lý học và giáo dục học để giải quyết một số tình huống xảy ra trong thực tiễn giáo dục.
 - Tìm hiểu vị trí, mục tiêu đào tạo, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của trường THPT, xây dựng phương pháp học tập nghiên cứu ở trường đại học.
2. Học tập những kỹ năng chuyên ngành đào tạo
 - Luyện và chữa lỗi phát âm
 - Tập viết chữ, trình bày bảng

9.56. Rèn luyện NVSP thường xuyên 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện NVSP thường xuyên 1

1. Học tập, rèn luyện một số kỹ năng chung
 - Tập luyện một số kỹ năng hoạt động dạy học, giáo dục
 - Nghiên cứu các giáo trình hướng dẫn về việc thực hiện công tác thực tập sư phạm.
2. Học tập rèn luyện những kỹ năng riêng
 - Thiết kế các loại kế hoạch năm, tháng, tuần cụ thể ở THPT
 - Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục và các kế hoạch khác.

9.57. Rèn luyện NVSP thường xuyên 3

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện NVSP thường xuyên 2

1. Tập viết một số văn bản hành chính.
2. Rèn luyện kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo: Tập luyện một số kỹ năng tiếp cận giáo dục THPT, một số phương pháp dạy học tích cực cần áp dụng trong dạy học ở THPT. Tập luyện một số kỹ năng giảng dạy ở THPT theo chuyên ngành được đào tạo, một số phương pháp dạy học tích cực cần áp dụng trong dạy học.

9.58. Rèn luyện NVSP thường xuyên 4

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện NVSP thường xuyên 3

1. Tập duyệt nghiên cứu khoa học giáo dục (chọn đề tài NCKHGD, xây dựng đề cương nghiên cứu, tập sử dụng phương pháp NCKHGD để đảm bảo giúp sinh viên hoàn thành tốt Bài tập nghiên cứu Tâm lý – Giáo dục thuộc học phần Thực tập sư phạm).
2. Tiếp tục tập luyện một số kỹ năng giảng dạy ở THPT theo chuyên ngành được đào tạo, một số phương pháp dạy học tích cực cần áp dụng trong dạy học ở THPT

9.59. Quản lý nhà trường

2TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 và 2; Pháp luật đại cương; các học phần Tâm lý và Giáo dục

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành sư phạm, trình độ đại học hệ thống tri thức về quản lý nhà trường trung học phổ thông (THPT): Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường THPT; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường THPT; Phát triển chương trình nhà trường THPT theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyên môn trong quản lý đội ngũ giáo viên THPT; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường THPT của hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của người học; Quản lý chất lượng giáo dục THPT; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường THPT; Quản lý tài chính trường THPT theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội;

Văn hoá nhà trường THPT trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường THPT; Tình huống và cách xử lý một số tình huống quản lý nhà trường THPT.

9.60. Lí luận dạy học Lịch sử

3TC

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp luận sử học

Nội dung môn học giới thiệu những hiểu biết cơ bản về phương pháp dạy học lịch sử là một khoa học. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu; sơ lược quá trình phát triển của bộ môn phương pháp dạy học lịch sử; giới thiệu về bộ môn lịch sử ở trường THPT phổ thông Việt Nam (khái quát chung về bộ môn lịch sử ở trường THPT phổ thông; cấu tạo chương trình, nội dung cơ bản của bộ môn lịch sử hiện nay ở trường THPT phổ thông; nhiệm vụ cơ bản của bộ môn lịch sử ở trường THPT phổ thông); về quá trình hình thành tri thức lịch sử cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường THPT phổ thông: sự kiện, tạo biểu tượng, hình thành khái niệm, rút quy luật bài học lịch sử; chức năng, nhiệm vụ của bộ môn lịch sử ở trường THPT phổ thông.

9.61. Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử địa phương

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp cho sinh viên hiểu và nắm vững khái niệm, thuật ngữ “địa phương”, từ đó xác định đối tượng nghiên cứu, vị trí và ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử địa phương. Giúp sinh viên nắm vững tình hình nghiên cứu lịch sử địa phương hiện nay và một số nội dung cơ bản trong công tác nghiên cứu lịch sử địa phương vận dụng vào dạy học. Học phần còn giới thiệu những phương pháp nghiên cứu lịch sử địa phương cơ bản như công tác sưu tầm và phân loại tư liệu, giám định và xử lý tư liệu; Biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương.

9.62. Giảng dạy theo hướng tiếp cận tư liệu lịch sử

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giới thiệu, định hướng cho sinh viên học tập, chuẩn bị việc giảng dạy môn Lịch sử theo hướng tập cho học sinh học được cách nhận thức lịch sử qua việc tiếp cận tư liệu.

9.63. Lí luận dạy học Địa lý

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần đề cập đến: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu; Hệ thống tri thức địa lý và quá trình nắm tri thức của học sinh; Vận dụng các nguyên tắc dạy học vào dạy học Địa lý; Phương tiện, thiết bị dạy học, hình thức tổ chức dạy học Địa lý ở THPT; Quá trình dạy học phổ thông và các phương pháp dạy học Địa lý; Việc giảng dạy và chỉ đạo học sinh học tập của giáo viên địa lý; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong dạy học Địa lý.

9.64. Nghiên cứu và giảng dạy Địa lý địa phương

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp những kiến thức, kĩ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu trình bày kết quả nghiên cứu địa lí địa phương; Hướng dẫn lập được đề cương về nội dung nghiên cứu địa lí địa phương; Cung cấp kiến thức, kĩ năng cơ bản để phân tích được cơ sở để lựa chọn nội dung cơ bản, tiêu biểu (quan trọng, cần thiết) để nghiên cứu và biên soạn thành nội dung dạy học địa lí địa phương trong chương trình học cấp phổ thông trung học; Giới thiệu chương trình kiến thức địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông trung học mới và trang bị kiến thức, kĩ năng để vận dụng các phương pháp dạy học địa lí địa phương.

9.65. Thực tế bộ môn (Lịch sử - Địa lý)

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp các kiến thức về cách thức và phương pháp tiến hành nghiên cứu thực tế lịch sử và địa lý địa phương:

- Phần lịch sử: tìm hiểu về các di tích và chứng nhân lịch sử thông qua việc tham quan, nghe báo cáo từ các chứng nhân lịch sử hoặc địa phương, sưu tầm và ghi chép tài liệu;

- Phần địa lý:

+ Địa lý tự nhiên: Nhận diện phân hóa lãnh thổ tự nhiên; Tìm hiểu về vấn đề sử dụng tự nhiên của địa bàn nghiên cứu.

+ Địa lý kinh tế - xã hội: sự phân bố các cơ sở kinh tế dọc theo tuyến thực địa; mối quan hệ giữa sản xuất và không gian của các cơ sở kinh tế; sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Khảo sát một số cơ sở kinh tế, xã hội điển hình của địa bàn nghiên cứu.

9.66. Thực tập sư phạm tốt nghiệp

7 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (4).

Sinh viên được phân bổ về các trường phổ thông để dự giờ, tập giảng và làm công tác chủ nhiệm lớp tại các trường phổ thông, làm quen với môi trường sư phạm, vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu tình hình trường thực tập, củng cố và lĩnh hội sâu sắc những kiến thức này, bước đầu thực hiện một số hoạt động của người giáo viên.

Sinh viên được tìm hiểu thực tế về tình hình dạy và học ở trường thực tập, thực tập giảng dạy và thực tập công tác chủ nhiệm lớp.

9.67. Việt Nam trong sự phát triển của lịch sử thế giới từ cuối thế kỉ XIX đến nay

3TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên những sự kiện về sự chuyển biến của tình hình thế giới vào những thời điểm bước ngoặt từ cuối thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX; những sự kiện về sự biến chuyển của cách mạng Việt Nam dưới ảnh hưởng của tình hình thế giới và tác động của những biến chuyển đó đến tình hình thế giới, trước hết là đến khu vực.

9.68. Hồ Chí Minh – vị anh hùng dân tộc

3TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh: thân thế, quá trình hoạt động cách mạng, những đóng góp vào phong trào giải phóng dân tộc. Từ cuộc đời hoạt động đến lãnh đạo đất nước, Hồ Chí Minh đã thể hiện Tư tưởng nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam và cả thế giới. Học phần sẽ làm rõ thêm giai đoạn lịch sử cận hiện đại Việt Nam.

9.69. ASEAN: những chặng đường lịch sử

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của tổ chức ASEAN; Cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN; Cộng đồng ASEAN từ ý tưởng đến hiện thực; và vai trò của ASEAN đối với sự phát triển của các quốc gia thành viên.

9.70. Quá trình giành độc lập của các quốc gia Đông Nam Á

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm hệ thống những kiến thức chuyên sâu về quá trình giải phóng dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á: Đông Nam Á trước khi bị thực dân phương Tây xâm lược; quá trình xâm lược của thực dân phương Tây; cuộc đấu tranh chống thực dân xâm

lược ở một số nước Đông Nam Á; quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á. Liên hệ thực tế với Việt Nam.

9.71. Biến đổi khí hậu

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần đề cập đến: Một số kiến thức chung về biến đổi khí hậu; Biểu hiện và đặc điểm, nguyên nhân biến đổi khí hậu; Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng; Tác động của biến đổi khí hậu; Ứng phó với biến đổi khí hậu; Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu trong ngành Giáo dục.

9.72. Kinh tế xanh và phát triển bền vững

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần đề cập đến: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về Kinh tế xanh; Bối cảnh, chủ trương và định hướng phát triển Kinh tế xanh ở Việt Nam; Phát triển Kinh tế xanh ở Việt Nam; Một số mô hình phát triển Kinh tế xanh trên thế giới và ở Việt Nam; Nội dung học phần còn đề cập đến khái niệm và nội dung phát triển bền vững trên các lĩnh vực: xã hội; tài nguyên – môi trường; kinh tế; thể chế; Nguyên tắc phát triển bền vững và hệ thống các chỉ số phát triển bền vững; Khung khổ và thực thi phát triển bền vững của Liên hợp quốc, một số nước trên thế giới và Việt Nam.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

| TT | Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại | Chức danh khoa học, năm phong | Học vị, nước, năm tốt nghiệp | Ngành, chuyên ngành | Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm |
|-----|---|-------------------------------|------------------------------|---------------------------|---|
| 1. | Ngô Thị Kim Phượng, 1968, Phó Trưởng phòng Đào tạo | GVC, 2006 | Ths, Việt Nam, 2003 | Triết học | Những nguyên lý cơ bản của CN Mác- Lênin 1 |
| 2. | Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin | GV | Ths, Việt Nam, 2009 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 |
| 3. | Võ Thị Minh Duyên, 1972, Trưởng khoa Lý luận chính trị | GVC, 2011 | Ths, Việt Nam, 2005 | Lịch sử Việt Nam | - Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam - Lịch sử Việt Nam hiện đại |
| 4. | Trần Văn Tàu, 1975, Trưởng BM Tư tưởng Hồ Chí Minh | GVC, 2011 | Ths, Việt Nam, 2005 | Lịch sử Việt Nam | - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Hồ Chí Minh – vị anh hùng dân tộc |
| 5. | Nguyễn Đình, 1961, Phó Hiệu trưởng phụ trách | | TS, Việt Nam, 2008 | Văn hóa học | - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Làng xã Việt Nam: truyền thống và hiện đại |
| 6. | Trần Lăng, 1968, Phó Hiệu Trưởng | GVC, 2006 | TS, Việt Nam, 2014 | Triết học | - Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam - Tôn giáo học đại cương |
| 7. | Võ Thị Tem, 1980, Khoa Lý luận chính trị | | Ths, Việt Nam, 2011 | Kinh tế chính trị | Logic học đại cương |
| 8. | Hồ Thị Việt Luận, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngữ | GVC, 2011 | Ths, Việt Nam, 2005 | LL & PPDH Tiếng Anh | Tiếng Anh 1 |
| 9. | Lê Thị Băng Tâm, 1973, Phó Trưởng khoa Ngoại ngữ | GVC, 2011 | Ths, Việt Nam, 2006 | Ngôn ngữ Anh | Tiếng Anh 2 |
| 10. | Dương Thị Lệ Thủy, 1967, Giảng viên khoa Ngoại ngữ | GVC, 2006 | Ths, Việt Nam, 2005 | LL & PPDH Tiếng Anh | Tiếng Anh 3 |
| 11. | Nguyễn Văn Tâm, 1962, Trưởng phòng HC- QT | GVC, 2011 | CN, Việt Nam, 1995 | Tiếng Anh | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục |
| 12. | Nguyễn Thị Phượng, 1975, Phó Trưởng khoa Chính trị | GVC, 2018 | Ths, Việt Nam, 2010 | Luật học | Pháp luật đại cương |
| 13. | Phan Thị Ánh Tuyết, 1968, Phó trưởng khoa Tâm lý giáo dục | | Ths, Việt Nam, 2005 | Văn học Việt Nam | Kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm |
| 14. | Trần Minh Cảnh, 1967, Trưởng khoa Kỹ thuật – Công nghệ | | Ths, Việt Nam, 2001 | Khoa học máy tính | Tin học đại cương |

| | | | | | |
|-----|---|-----------|---------------------|--------------------------------|--|
| 15. | Nguyễn Quốc Trâm, 1985, Giảng viên | | Ths, Việt Nam, 2014 | Giáo dục thể chất | Giáo dục thể chất 1 |
| 16. | Nguyễn Huy Vũ, 1985, Giảng viên | | Ths, Việt Nam, 2013 | Giáo dục thể chất | Giáo dục thể chất 2 |
| 17. | Nguyễn Minh Cường, 1985, Trưởng khoa GDTC-GDQP | | Ths, Việt Nam, 2012 | Giáo dục thể chất | Giáo dục thể chất 3 |
| 18. | Lê Đức Hiếu, 1979, Giảng viên | GV | Ths, Việt Nam, 2011 | Giáo dục thể chất | Giáo dục thể chất 4 |
| 19. | Bùi Hữu Mô, 1959, Trưởng khoa Tâm lý giáo dục | GVC | Ths, Việt Nam, 2008 | Tâm lý học | - Tâm lý học đại cương - Giáo dục học 2 |
| 20. | Phan Thị Lan, 1970, Giảng viên | | Ths, Việt Nam, 2003 | Tâm lý học | Tâm lý học lứa tuổi & Tâm lý học sư phạm |
| 21. | Nguyễn Thế Dân, 1960, Giảng viên | GVC | Ths, Việt Nam, 2004 | Tâm lý học | - Giáo dục học 1 - Rèn luyện NVSP thường xuyên 1 |
| 22. | Nguyễn Thị Mai Trúc, 1986, Giảng viên | | Ths, Việt Nam, 2014 | Quản lý môi trường | - Môi trường và con người - Biến đổi khí hậu |
| 23. | Nguyễn Văn Thường, 1971, Trưởng khoa KHXH và Nhân văn | PGS, 2018 | TS, Việt Nam, 2018 | Lịch sử Việt Nam | - Lịch sử Việt Nam (LSVN cổ - trung đại và Nghiên cứu và giảng dạy LS địa phương) - Rèn luyện NVSP thường xuyên |
| 24. | Đào Nhật Kim, 1970, Trưởng phòng QLKH&HTQT | | TS, Việt Nam, 2010 | Lịch sử Việt Nam | - Lịch sử Việt Nam cận đại - Một số vấn đề triều Nguyễn ở thế kỉ XIX |
| 25. | Nguyễn Huy Phương, 1976, Trưởng phòng Công tác HSSV | | Ths, Việt Nam, 2003 | Lịch sử Thế giới | - Lịch sử thế giới cận đại - Lịch sử thế giới hiện đại |
| 26. | Đỗ Thị Minh Trang, 1987, Giảng viên | | Ths, Việt Nam, 2012 | Lịch sử thế giới | - Lịch sử văn minh thế giới - Lịch sử thế giới cổ - trung đại |
| 27. | Mai Đình Lưu, 1961, Trưởng phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng | GVC, 2006 | Ths, Việt Nam, 2000 | Địa lý Kinh tế | - Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam - Địa lý các châu lục |
| 28. | Đoàn Thị Mỹ Dung, 1979, Giảng viên | | Ths, Việt Nam, 2008 | Địa lý Tài nguyên – Môi trường | - Địa lý tự nhiên đại cương - Kinh tế xanh và phát triển bền vững |
| 29. | Đoàn Thị Như Hoa, 1980, Trưởng Bộ môn Văn hóa – Du lịch, Khoa KHXH & NV | | Ths, Việt Nam, 2009 | Địa lý học | - Địa lý kinh tế - xã hội đại cương - Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam |

| | | | | | |
|-----|--|-----------|---------------------|----------------------------------|--|
| 30. | Nguyễn Thị Ngạn, 1980, Trưởng bộ môn TN-XH | | Ths, Việt Nam, 2005 | Địa lý tự nhiên | - Biên và đảo Việt Nam - Địa lý tự nhiên Việt Nam |
| 31. | Võ Thị Ngọc Hoa, 1976, Phó trưởng khoa Khoa KHXH & NV | GVC, 2017 | Ths, Việt Nam, 2005 | Ngôn ngữ học | Hán – Nôm |
| 32. | Cao Thị Hồng Lam, 1987, Nhân viên Phòng Tổ chức-Cán bộ | | Ths, Việt Nam, 2017 | Giáo dục và phát triển cộng đồng | Nhập môn xã hội học |
| 33. | Nguyễn Thị Hiền, 1991, Giảng viên | | Ths, Việt Nam, 2015 | Ngôn ngữ học | Tiếng Việt thực hành |
| 34. | Bộ môn Sử - Địa, Khoa KHXH&NV | | | | Thực tế bộ môn (Lịch sử - Địa lý) |
| 35. | Trường Quân sự Tỉnh Phú Yên | | | | Giáo dục Quốc phòng – An ninh |

10.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

| TT | Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại | Chức danh khoa học, năm phong | Học vị, nước, năm tốt nghiệp | Ngành, chuyên ngành | Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm |
|----|---------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|---------------------|---|
| 1 | Trương Công Huỳnh Kỳ, 1959, ĐHSP Huế | PGS, 2013 | TS, Việt Nam, 2001 | Lịch sử Việt Nam | - Các cuộc cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam - Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XX |
| 2 | Dương Thị Huệ, ĐH Quy Nhơn | | TS, Việt Nam | Lịch sử thế giới | - Thế giới trong và sau chiến tranh lạnh - ASEAN: Những chặng đường lịch sử |
| 3 | Đặng Văn Chương, 1961, ĐHSP Huế | PGS, 2010 | TS, Việt Nam, 2003 | Lịch sử thế giới | - Đại cương dân tộc học - Lịch sử Đông Nam Á |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh Hương, ĐH Quy Nhơn | PGS, 2016 | TS, Việt Nam, 2010 | Lịch sử Việt Nam | - Nhập môn sử học và khảo cổ học |
| 5 | Trần Quốc Tuấn, 1960, ĐH Quy Nhơn | PGS, 2018 | TS, Việt Nam, 2001 | LL & PPDH Lịch sử | - Phương pháp luận sử học - Lí luận dạy học lịch sử |
| 6 | Nguyễn Thành Nhân, 1970, ĐHSP Huế | PGS, 2015 | TS, Việt Nam, 2010 | LL & PPDH Lịch sử | - Giảng dạy theo hướng tiếp cận tư liệu lịch sử - Nhân danh và địa danh Việt Nam |
| 7 | Nguyễn Hữu Xuân, 1973, ĐH Quy Nhơn | GVC, 2011 | TS, Việt Nam, 2010 | Địa lý tự nhiên | - Địa chất học - Bản đồ học |

| | | | | |
|---|--------------------------------|--------------------|------------------|---|
| 8 | Lê Thị Lành, 1977, ĐH Quy Nhơn | TS, Việt Nam, 2017 | LL & PPDH Địa lý | - Lí luận dạy học địa lý - Nghiên cứu và giảng dạy Địa lý địa phương |
|---|--------------------------------|--------------------|------------------|---|

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Trang thiết bị phục vụ học tập

Cơ sở vật chất hiện nay của Trường Đại học Phú Yên đủ điều kiện để phục vụ mục đích đào tạo cho sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử – Địa lý:

- Website để phục vụ đào tạo và đối ngoại.
- Mạng máy tính nội bộ có kết nối Internet.
- Tất cả các Phòng, Ban và Khoa đều có máy tính kết nối Internet.
- Nhiều phòng học được trang bị hệ thống máy chiếu, tivi.
- Tư liệu bản đồ phong phú.

Riêng phần thực hành, thực tập, nhà trường liên kết với các trường phổ thông trung học ngay tại các địa phương trong tỉnh để sinh viên rèn luyện.

11.2. Thư viện

Hiện tại nhà trường có một thư viện với diện tích khoảng 1.200m², phòng đọc có sức chứa 100 chỗ ngồi, có hơn 13.500 đầu sách (giáo trình và tham khảo), có khoảng 50 tạp chí chuyên ngành và báo ... đáp ứng đủ nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Thư viện có phòng máy tính trang bị hiện đại để truy cập Internet và tra cứu giáo trình, sách tham khảo.

11.3. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo

| Số TT | Tên giáo trình | Tên tác giả | Nhà xuất bản | Năm xb | Số bản | Sử dụng cho học phần/môn học |
|--|---|-----------------------|------------------------|--------|--------|--|
| 1. | Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin | Bộ Giáo dục & Đào tạo | Chính trị Quốc gia | 2016 | | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1 |
| Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 | | | | | | |
| 3. | Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh | Bộ Giáo dục & Đào tạo | Chính trị Quốc gia | 2016 | | Tư tưởng Hồ Chí Minh |
| 4. | Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | Bộ Giáo dục & Đào tạo | Giáo dục | 2016 | | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam |
| 5. | Giáo trình Pháp luật Đại cương | Bộ Giáo dục & Đào tạo | Đại học sư phạm Hà Nội | 2015 | 100 | Pháp luật đại cương |
| 6. | Giáo trình Xã hội học đại cương | Tạ Minh | ĐHQG | 2011 | 10 | Nhập môn xã hội học |

| | | | | | | |
|-----|---|---|----------------------------------|--------------|----|--|
| | | | TP.HCM | | | |
| 7. | Cơ sở văn hoá Việt Nam | Trần Ngọc Thêm | Giáo dục | 2001 | | Cơ sở văn hóa Việt Nam |
| 8. | Tiếng Việt thực hành | Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh | Đại học Sư phạm | 2003 | | Tiếng Việt thực hành |
| 9. | Hán Nôm | Phan Văn Các | Giáo dục | 1985 | 50 | Hán Nôm |
| 10. | Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh. Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh.. | Nguyễn Thị Chi (Chủ biên) Trương Xuân Cảnh (Chủ biên) | Giáo dục | 2017 | 50 | Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm |
| 11. | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục | Võ Thị Ngọc Lan, Nguyễn Văn Tuấn | Đại học Quốc gia Tp. HCM | 2102 | 50 | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục |
| 12. | - Giáo trình tin học đại cương - Tin Học Văn Phòng Microsoft Office | -Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM -Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến | - Lao động – Xã hội -Thời Đại | 2012 2014 | | Tin học đại cương |
| 13. | Bài giảng Môi trường và con người | Khoa Môi trường | Đại học Khoa học Huế | 2011 | | Môi trường và con người |
| 14. | Giáo trình Logic học đại cương | Nguyễn Như Hải | Giáo dục | 2007 | | Logic học đại cương |
| 15. | Giáo trình Thê dục | Trương Anh Tuấn | ĐHSP | 2004 | | Thê dục |
| 16. | Giáo trình Điền kinh | Nguyễn Kim Minh | ĐHSP Hà Nội | 2004 | | Điền kinh |
| 17. | Sách Giáo trình Cầu lông | Nguyễn Trọng Hải, Đào Chí Thành | ĐHSP | 2004 | | Cầu lông 1,2 |
| 18. | Giáo trình Bóng chuyền | Nguyễn Việt Minh | ĐHSP | 2003 | | Bóng chuyền 1,2 |
| 19. | New English File – Pre-intermediate (Student’s book & Workbook) | <i>Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Seligson</i> | Oxford University Press | 2005 | | Tiếng Anh 1, 2, 3 |
| 20. | | | | | | |
| 21. | Nhập môn Sử học | Phan Ngọc Liên | ĐHSP | 2004 | | Nhập môn sử học và khảo cổ học |

| | | | | | | |
|-----|--|--|----------------------------|------|----|-----------------------------------|
| | | (chủ biên) | Hà Nội | | | |
| | Giáo trình Khảo cổ học | Đinh Ngọc Bảo (chủ biên) | DHSP Hà Nội | 2007 | | |
| 22. | Dân tộc học Đại cương | Lê Sĩ Giáo (chủ biên) | Giáo dục | 2007 | | Đại cương dân tộc học |
| | Một số vấn đề về Dân tộc học Việt Nam | Phan Hữu Dật | Đại học Quốc gia Hà Nội | 1998 | | |
| 23. | Phương pháp luận sử học | Phan Thị Côi (chủ biên) | Đại học Sư phạm | | | Phương pháp luận sử học |
| 24. | Lịch sử văn minh thế giới | Vũ Dương Ninh | Giáo dục | 2010 | 40 | Lịch sử văn minh thế giới |
| 25. | Địa lý tự nhiên đại cương 1 | Nguyễn Trọng Hiếu, Phùng Ngọc Đĩnh | Đại học Sư phạm | 2003 | | Địa lý tự nhiên đại cương |
| | Địa lý tự nhiên đại cương 2 | Hoàng Ngọc Oanh (chủ biên) | Đại học Sư phạm | 2004 | | |
| 26. | Địa lý kinh tế xã hội đại cương | Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) | Đại học Sư phạm | 2005 | | Địa lý kinh tế - xã hội đại cương |
| 27. | Địa chất học đại cương và địa chất lịch sử | Phùng Ngọc Đĩnh, Lương Hồng Dực | Đại học Sư phạm | 2003 | | Địa chất học |
| 28. | Bản đồ học | Lâm Quảng Dốc | Đại học Sư phạm | 2003 | | Bản đồ học |
| 29. | Lịch sử thế giới cổ-trung đại | Nghiêm Đình Vỹ (chủ biên) | Đại học Sư phạm | 2004 | | Lịch sử thế giới cổ - trung đại |
| 30. | Lịch sử thế giới cận đại, tập 1 | Phan Ngọc Liên (chủ biên) | Đại học Sư phạm | 2010 | | Lịch sử thế giới cận đại |
| | Lịch sử thế giới cận đại, tập 2 | Phan Ngọc Liên (chủ biên) | Đại học Sư phạm | 2011 | | |
| 31. | Lịch sử thế giới hiện đại, quyển 1 | Đỗ Thanh Bình (chủ biên) | Đại học Sư phạm | 2012 | | Lịch sử thế giới hiện đại |
| | Lịch sử thế giới hiện đại, quyển 2 | Trần Thị Vinh (chủ biên) | Đại học Sư phạm | 2011 | | |
| 32. | Đại cương lịch sử Việt Nam, tập I | Trương Hữu Quýnh (chủ biên) | Giáo dục | 1999 | | Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại |
| 33. | Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập II | Trương Hữu Quýnh, | Giáo dục | 2002 | 25 | Lịch sử Việt Nam cận đại |

| | | | | | | |
|-----|--|---|------------------------|------|---|---|
| | | Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn | | | | |
| 34. | Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập III | Lê Mậu Hãn, Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư | Giáo dục | | | Lịch sử Việt Nam hiện đại |
| 35. | Lược sử Đông Nam Á | Phan Ngọc Liên (chủ biên) | Giáo dục | 2002 | | Lịch sử Đông Nam Á |
| 36. | Địa lí các châu lục (tập 1) | Nguyễn Phi Hạnh | Đại học Sư phạm | 2005 | | Địa lí các châu lục |
| 37. | Địa lý tự nhiên Việt Nam (tập 1,2) | Đặng Duy Lợi (chủ biên) | Đại học Sư phạm | 2005 | | Địa lý tự nhiên Việt Nam |
| 38. | Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam | Trần Văn Thông | Thông kê | | | Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam |
| 39. | Lịch sử quan hệ quốc tế từ 1917 đến 1945 | Lê Văn Quang | Giáo dục | 2001 | | Thế giới trong và sau chiến tranh lạnh |
| | Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945 – 2000) | Trần Nam Tiến (chủ biên) | Giáo dục | 2010 | | |
| 40. | Lịch sử sử học thế giới | Phan Ngọc Liên | Đại học Huế | 1996 | | Lịch sử sử học |
| | Lịch sử sử học Việt Nam | Phan Ngọc Liên (chủ biên) | Đại học Sư phạm Hà Nội | 2011 | | |
| 41. | Làng xã Việt Nam - một số vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội | Phan Đại Doãn | Chính trị Quốc gia | 2001 | | Làng xã Việt Nam: truyền thống và hiện đại |
| 42. | Địa danh học Việt Nam | Lê Trung Hoa | Khoa học Xã hội | 2011 | 2 | Nhân danh và địa danh Việt Nam |
| 43. | Biển đảo Việt Nam | Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng | Văn hóa – văn nghệ | 2016 | | Biển và đảo Việt Nam |
| 44. | Tài nguyên thiên nhiên (quyển 1) | PGS.TS Đoàn Văn Điểm | Nông nghiệp | | | Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam |
| 45. | Những cải cách và tư tưởng cải cách trong lịch sử Việt Nam | Nguyễn Cảnh Minh | Chính trị quốc gia | 1995 | | Các cuộc cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam |
| 46. | Việt Nam thế kỷ XIX | Nguyễn Phan Quang | TP. Hồ Chí Minh | 2002 | | Một số vấn đề triều Nguyễn ở thế kỉ XIX |
| 47. | Giáo trình Tôn giáo học | Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn | Đại học Sư phạm | 2005 | | Tôn giáo học đại cương |
| 48. | Lịch sử tư tưởng phương Đông & Việt Nam | Nguyễn Gia Phú | TP. Hồ Chí Minh | 1996 | | Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam |

| | | | | | | |
|-----|---|--|------------------|------|--|---|
| 49. | Tâm lý học đại cương | Nguyễn Quang Uân (chủ biên) | Đại học Sư phạm | 2004 | | Tâm lý học đại cương |
| 50. | Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm | Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành | Thế giới | 2008 | | Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm |
| 51. | Giáo dục học đại cương | Hà Thị Đức | Giáo dục | 2006 | | Giáo dục học 1 |
| 52. | Giáo dục học đại cương 2 | Nguyễn Sinh Huy, Nguyễn Văn Lê | Giáo dục | 2006 | | Giáo dục học 2 |
| 53. | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên | Phạm Trung Thanh | ĐH Sư Phạm | 2009 | | Rèn luyện NVSP thường xuyên 1 |
| 54. | Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử | Nguyễn Thị Côi | Đại học Sư phạm | 1995 | | Rèn luyện NVSP thường xuyên 2 |
| 55. | Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lý 10,11,12 | Bộ Giáo dục & Đào Tạo | Giáo dục | 2007 | | Rèn luyện NVSP thường xuyên 3, 4 |
| 56. | Giáo trình thực tập sư phạm | Phạm Trung Thanh | Đại học Sư phạm | 2003 | | |
| 57. | Lí luận dạy học lịch sử (tập 1) | Phan Ngọc Liên | Đại học Sư phạm | 2002 | | Lí luận dạy học lịch sử |
| | Lí luận dạy học lịch sử (tập 2) | Phan Ngọc Liên | Đại học Sư phạm | 2002 | | |
| | Tập bài giảng Lí luận dạy học lịch sử của giảng viên | | | | | |
| 58. | Giáo trình phương pháp nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương | Nguyễn Cảnh Minh (chủ biên) | Đại học Sư phạm | | | Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương |
| 59. | Một số chuyên đề Phương pháp dạy học Lịch sử | Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng, Trần Vĩnh Tường (đồng chủ biên) | Đại học Quốc gia | 2002 | | Giảng dạy theo hướng tiếp cận tư liệu lịch sử |
| 60. | Lý luận dạy học Địa lý | Nguyễn Dược | Đại học Sư phạm | | | Lí luận dạy học địa lý |
| 61. | Địa lý địa phương trong trường phổ thông | Lâm Quang Dốc | Đại học Sư phạm | | | Nghiên cứu và giảng dạy địa lý địa phương |
| 62. | Đất nước Việt Nam qua các đời | Đào Duy Anh (chủ biên) | Khoa học xã hội | 2017 | | Thực tế bộ môn (Lịch sử - Địa lý) |

| | | | | | | |
|-----|--|---|----------------------------|------|--|--|
| 63. | Một số chuyên đề lịch sử thế giới, tập 2 | Vũ Dương Ninh | Đại học Quốc gia | 2008 | | Việt Nam trong sự phát triển của lịch sử thế giới từ cuối thế kỉ XIX đến nay |
| 64. | Hồ Chí Minh – anh hùng dân tộc và tầm thời đại của Người | Hà Minh Đức | Chính trị Quốc gia | 2014 | | Hồ Chí Minh – vị anh hùng dân tộc |
| 65. | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á | Bộ Ngoại Giao | Chính trị quốc gia | 1998 | | ASEAN: những chặng đường lịch sử |
| | Một số chuyên đề lịch sử thế giới, Tập 2 | Vũ Dương Ninh | Đại học Quốc gia | 2006 | | |
| 66. | Con đường cứu nước trong đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á | Đỗ Thanh Bình (chủ biên) | Đại học Quốc gia | 1999 | | Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á |
| 67. | Giáo trình Biến đổi khí hậu | Đặng Duy Lợi, Đào Ngọc Hùng | Đại học Sư phạm | 2014 | | Biến đổi khí hậu |
| 68. | Kinh tế xanh cho phát triển bền vững | Bùi Văn Dũng (chủ biên) | ĐH Vinh | 2015 | | Kinh tế xanh và phát triển bền vững |
| | | Hội bảo vệ thiên nhiên và Môi trường Việt Nam | Chính trị quốc gia sự thật | 2018 | | |

11.4. Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo của ngành đào tạo:

| Số TT | Tên giáo trình | Tên tác giả | Nhà xuất bản | Năm xb | Số bản | Sử dụng cho học phần/môn học |
|-------|---|-----------------------------------|--------------------------|--------|--------|--|
| 1. | Giáo trình triết học Mác - Lênin | Bộ Giáo dục & Đào tạo | Chính trị Quốc gia | 2005 | | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1 |
| 2. | Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin | Bộ Giáo dục & Đào tạo | Chính trị Quốc gia | 2011 | | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 |
| 3. | Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và vận dụng vào đào tạo đại học hiện nay | Hoàng Anh (chủ biên) | Chính trị quốc gia | 2013 | | Tư tưởng Hồ Chí Minh |
| | Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt | Võ Nguyên Giáp | Chính trị quốc gia | 2000 | | |
| 4. | Hỏi và đáp lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Nguyễn Thị Thanh, Phạm Đức Kiên | Chính trị - Hành chính | 2013 | | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam |
| 5. | Pháp luật đại cương | Đoàn Công Thức, Nguyễn Thị Bé Hai | Đại học Quốc gia TP. HCM | 2011 | | Pháp luật đại cương |

| | | | | | | |
|-----|---|-----------------------------------|----------------------------|------|--|--|
| | Pháp luật đại cương | Nguyễn Hợp Toàn | Kinh tế quốc dân | 2014 | | |
| 6. | Xã hội học | Vũ Minh Tâm | Giáo dục | 2001 | | Nhập môn xã hội học |
| | Xã hội học đại cương | Nguyễn Sinh Huy | Đại học Quốc gia Hà Nội | 2006 | | |
| 7. | Cơ sở văn hóa Việt Nam | Đặng Đức Siêu | Giáo dục | 2008 | | Cơ sở văn hóa Việt Nam |
| 8. | Tiếng Việt thực hành | Vương Hữu Lễ, Đinh Xuân Quỳnh | Thuận Hóa | 2003 | | Tiếng Việt thực hành |
| | Kỹ thuật soạn thảo văn bản | Lê Xuân Soạn | Tổng hợp TP.HCM | 2006 | | |
| 9. | Từ điển Hán Việt | Thiều Chửu | Văn hóa Thông tin | 1999 | | Hán - Nôm |
| | Từ chữ Hán đến chữ Nôm | Lê Nguyễn Lưu | Thuận Hoá | 2002 | | |
| 10. | Cẩm nang những kỹ năng thực hành xã hội cần thiết cho sinh viên | Nhiều tác giả | Trẻ | 2010 | | Kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm |
| 11. | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục | Ngô Đình Qua | Đại học Sư phạm TP. HCM | 2005 | | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục |
| | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý | Dương Thiệu Tống | Khoa học Xã hội | 2005 | | |
| 12. | Grammar for PET | Louise Hashemi and Barbara Thomas | Đồng Nai | 2009 | | Tiếng Anh 1 (B1.1) Tiếng Anh 2 (B1.2) Tiếng Anh 3 (B1.3) |
| 13. | A practical English Grammar | A.J Thomson & A.V Martinet | Oxford University Press | 2001 | | |
| 14. | Objective Pet– Pre-intermediate (Student’s book & Workbook) | Luise Hashemi; Barbara Thomas | Cambridge University Press | 2005 | | |
| 15. | Giáo trình Tin học đại cương | Trần Đình Khang | Bách khoa – Hà Nội | 2013 | | Tin học đại cương |
| | Giáo trình Tin học đại cương | Bùi Thế Tâm | Giao thông vận tải | 2007 | | |
| 16. | Con người và Môi trường | GS.TS Lâm Minh Triết – Huỳnh Thị | ĐHQG TP. HCM | 2008 | | Môi trường và con người |

| | | | | | | |
|-----|---|--------------------------------------|-----------------------------------|------|--|-----------------------------------|
| | | Minh Hằng (đồng chủ biên) | | | | |
| 17. | Logic học nhập môn | Trần Hoàng | Đại học Sur phạm | 2002 | | Lô gic học đại cương |
| | Logic học đại cương | Nguyễn Thúy Vân – Nguyễn Anh Tuấn | Đại học Quốc gia Hà Nội | 2011 | | |
| 18. | Giáo trình thể dục | Vũ Thanh Sơn | Đại học Sur Phạm. | 2003 | | Thể dục |
| 19. | Huấn luyện kỹ - chiến thuật Cầu lông hiện đại | Nguyễn Hạc Thúy | TDTT | 2001 | | Cầu lông 1,2 |
| 20. | Luật Bóng bàn | | Liên Đoàn Bóng bàn Việt Nam | 2006 | | Bóng bàn 1,2 |
| 21. | Bước đầu tìm hiểu Võ học Việt Nam | | TDTT Hà Nội | 2006 | | Võ cổ truyền Việt Nam 1, 2 |
| 22. | Luật Điền kinh | | TDTT | 1997 | | Điền kinh |
| 23. | Luật bóng đá | | TDTT | 2007 | | Bóng đá 1,2 |
| 24. | Nhập môn Sử học | Phan Ngọc Liên (chủ biên) | Giáo dục | 1989 | | Nhập môn sử học và khảo cổ học |
| | Khảo cổ học Việt Nam | Hà Văn Tấn (chủ biên) | Khoa học Xã hội | 2000 | | |
| 25. | Dân tộc học Đại cương, Tập I | Hoàng Nam | Văn hóa Thông tin | 1997 | | Đại cương dân tộc học |
| | Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI | Viện Dân tộc học | Khoa học xã hội | 2003 | | |
| 26. | Một số vấn đề lý luận sử học - In lần thứ 2 | Hà Văn Tấn | ĐHQG Hà Nội | 2008 | | Phương pháp luận sử học |
| 27. | Lịch sử văn minh nhân loại | Vũ Dương Ninh | Giáo dục | 1997 | | Lịch sử văn minh thế giới |
| 28. | Cơ sở địa lý tự nhiên, tập I | Lê Bá Thảo (chủ biên) | Giáo dục | | | Địa lý tự nhiên đại cương |
| 29. | Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam thời hội nhập | Đặng Văn Phan (chủ biên) | Giáo dục | 2006 | | Địa lý kinh tế - xã hội đại cương |
| 30. | Địa chất đại cương | Phùng Ngọc Đĩnh | ĐHQG | 1996 | | Địa chất học |

| | | | Hà nội | | | |
|-----|---|--|----------------------------|------|----|---------------------------------|
| | Địa chất lịch sử | Lê Thị Hợp, Phùng Ngọc Đĩnh | ĐHSP Hà Nội 1 | 1996 | | |
| 31. | Bản đồ học | Lâm Quảng Đốc, Phùng Ngọc Đĩnh, Lê Huỳnh | Đại học Quốc gia Hà Nội | 1995 | | Bản đồ học |
| 32. | Lịch sử thế giới cổ đại | Lương Ninh (chủ biên) | Giáo dục | 2003 | | Lịch sử thế giới cổ - trung đại |
| | Lịch sử thế giới trung đại | Nguyễn Gia Phú, Đỗ Đình Hằng | Giáo dục | 2002 | | |
| 33. | Lịch sử phong trào giải phóng dân tộc thế kì XX – Một cách tiếp cận | Đỗ Thanh Bình | Đại học Su phạm | 2010 | | Lịch sử thế giới cận đại |
| | Lịch sử thế giới cận đại | Phan Ngọc Liên (chủ biên) | Đại học Su phạm | 2005 | | |
| 34. | Lịch sử thế giới hiện đại 1917 – 1995 | Nguyễn Anh Thái (chủ biên) | Giáo dục | 2001 | | Lịch sử thế giới hiện đại |
| 35. | Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ X | Nguyễn Cảnh Minh (chủ biên) | Đại học Su phạm | 2004 | | Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại |
| | Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến năm 1858 | Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Cảnh Minh | Đại học Quốc gia Hà Nội | 1999 | | |
| 36. | Giáo trình Lịch sử Việt Nam cận đại | Trương Công Huỳnh Kì (chủ biên) | Đại học Huế | 2013 | | Lịch sử Việt Nam cận đại |
| 37. | Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay: Những vấn đề lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | | ĐHQG Hà Nội | 1998 | 19 | Lịch sử Việt Nam hiện đại |
| | Lịch sử Việt Nam, tập 3 | Lê Mậu Hãn (chủ biên) | Giáo dục | 2002 | | |
| 38. | Lịch sử Đông Nam Á | D.G.E.Hall | Chính trị quốc gia | 1997 | | Lịch sử Đông Nam Á |
| | Lịch sử Đông Nam Á | Lương Ninh (chủ biên) | Giáo dục | 2005 | | |
| 39. | Địa lý tự nhiên các lục địa (tập 1,2) | Nguyễn Phi Hạnh | Giáo dục | 1989 | | Địa lý các châu lục |
| 40. | Địa lý tự nhiên Việt Nam | Vũ Tự Lập | Giáo dục | 1999 | | Địa lý tự nhiên Việt Nam |
| | Thiên nhiên Việt Nam | Lê bá Thảo | Khoa học | 1997 | | |

| | | | | | | |
|-----|--|-----------------------------------|------------------------|------|----|--|
| | | | và kỹ thuật | | | |
| 41. | Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam. | PGS Phạm Văn Thái | Giáo dục | | | Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam |
| 42. | Sơ thảo Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX | Đình Gia Trinh | Khoa học xã hội | 1968 | | Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX |
| | Lịch sử nhà nước và pháp quyền Việt Nam (Từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX) | Huỳnh Công Bá | Đại học Sư phạm Huế | 1993 | | |
| 43. | Lịch sử quan hệ quốc tế từ 1917 đến 1945 | Lê Văn Quang | Giáo dục | 2001 | | Thế giới trong và sau chiến tranh lạnh |
| | Quan hệ quốc tế từ 1945 đến 1995 | Hoàng Văn Hiến – Nguyễn Việt Thảo | Chính trị quốc gia | 1998 | | |
| | Quan hệ quốc tế thế kỷ XX | Nguyễn Quốc Hùng | Giáo dục | 2000 | | |
| 44. | Nhập môn sử học | Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng | Đại học Sư phạm Hà Nội | 2004 | | Lịch sử sử học |
| | Phương pháp luận sử học | Phan Ngọc Liên (chủ biên) | Đại học Sư phạm Hà Nội | 2003 | | |
| 45. | Làng xóm Việt Nam | Toan Ánh | TP. Hồ Chí Minh | 1992 | | Làng xã Việt Nam: truyền thống và hiện đại |
| | Đất lề quê thói | Nhất Thanh (Vũ Văn Khiếu) | TP. Hồ Chí Minh | 1992 | | |
| 46. | Sổ tay nhân vật lịch sử Việt Nam | Phan Đại Doãn | Giáo dục | 1990 | | Nhân danh và địa danh Việt Nam |
| 47. | Chủ quyền biển đảo Việt Nam | Đỗ Bang (chủ biên) | Văn hóa – văn nghệ | | | Biển và đảo Việt nam |
| 48. | Đánh giá tài nguyên nước Việt Nam | Nguyễn Thanh Sơn | Giáo dục | 2005 | | Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam |
| 49. | Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong lịch sử Việt Nam | Văn Tạo | Đại học Sư Phạm | 2006 | | Các cuộc cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam |
| 50. | Đại cương lịch sử Việt Nam, tập II | Đình Xuân Lâm | Giáo dục | 2001 | | Một số vấn đề triều Nguyễn ở thế kỷ XIX |
| 51. | Tôn giáo học nhập môn | Đỗ Minh Hợp | Tôn giáo | 2002 | | Tôn giáo học đại cương |
| 52. | Lịch sử tư tưởng Việt Nam | Nguyễn Đăng Thục | TP. Hồ Chí Minh | 1992 | | Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam |
| 53. | Tâm lý học đại cương | Nguyễn Xuân Thúc | ĐH Sư Phạm | 2009 | 10 | Tâm lý học đại cương |
| 54. | Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm | Nguyễn Bá Minh | ĐH Sư Phạm | 2007 | | Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm |
| 55. | Giáo dục học đại cương | Hà Thị Đức | Giáo dục | 2006 | | Giáo dục học 1 |
| 56. | Lý luận giáo dục | Phạm Việt Vượng | Đại học | 2005 | | Giáo dục học 2 |

| | | | | | | |
|-----|--|------------------------------------|---------------------------|------|--|--|
| | | | Sư phạm | | | |
| 57. | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên | Phạm Trung Thanh, Nguyễn Thị Lý | Đại học sư phạm | 2009 | | Rèn luyện NVSP thường xuyên 1 |
| 58. | Giáo trình Bài tập Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên | Phạm Trung Thanh (chủ biên) | Đại học sư phạm | 2007 | | Rèn luyện NVSP thường xuyên 2 |
| 59. | Thiết kế bài giảng Lịch sử ở trường THPT | Phan Ngọc Liên | Đại học Quốc gia | 1999 | | Rèn luyện NVSP thường xuyên 3 |
| 60. | Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử | Nguyễn Thị Côi (chủ biên) | Đại học sư phạm | | | Rèn luyện NVSP thường xuyên 4 |
| 61. | Một số vấn đề phương pháp dạy học Lịch sử | Phan Ngọc Liên | Đại học Quốc gia | 2002 | | Lí luận dạy học lịch sử |
| 62. | Phương pháp nghiên cứu và biên soạn Lịch sử địa phương | Nguyễn Cảnh Minh | Đại học Sư phạm | 2010 | | Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử địa phương |
| 63. | Hình thành tri thức lịch sử cho học sinh trung học phổ thông | Phan Ngọc Liên (Chủ biên) | Đại học Huế | 2001 | | Giảng dạy theo hướng tiếp cận tư liệu lịch sử |
| 64. | Lý luận dạy học địa lý (phần đại cương) | Đặng Văn Đức | Đại học Sư phạm | | | Lí luận dạy học địa lý |
| | Phương pháp dạy học Địa lý theo hướng dạy học tích cực | Đặng Văn Đức, Nguyễn Thu Hằng | Đại học Sư phạm | 2008 | | |
| | Đổi mới phương pháp dạy học Địa lý ở THPT | Nguyễn Đức Vũ, Phạm Thị Sen | Giáo dục | | | |
| 65. | Địa lý địa phương trong trường phổ thông | Lâm Quang Dốc (chủ biên) | Đại học Sư phạm | | | Nghiên cứu và giảng dạy Địa lý địa phương |
| 66. | Phương pháp nghiên cứu và biên soạn Lịch sử địa phương | Nguyễn Cảnh Minh (chủ biên) | Đại học Sư phạm | 2010 | | Thực tế bộ môn (Lịch sử - Địa lý) |
| | Các phong trào yêu nước và cách mạng ở Phú Yên 1885-1930 | Nguyễn Văn Thương (chủ biên) | Từ điển Bách Khoa, Hà Nội | 2009 | | |
| | Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam | Trần Văn Thông | Thống kê | | | |
| 67. | Lịch sử thế giới cận - hiện đại, Phần 2. chuyên đề: Việt Nam trong sự phát triển LSTG. | | Giáo dục | 2005 | | Việt Nam trong sự phát triển của lịch sử thế giới từ cuối thế kỉ XIX đến nay |
| 68. | Hồ Chí Minh - anh hùng dân tộc, danh | Nhiều tác giả | Hà Nội | 2010 | | Hồ Chí Minh - vị anh hùng dân tộc |

| | | | | | | |
|-----|--|---------------------------|--------------------|------|--|---|
| | nhân văn hóa thế giới | | | | | |
| | Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam | Võ Nguyên Giáp | Chính trị quốc gia | 2000 | | |
| 69. | Tìm hiểu Lịch sử các nước Đông Nam Á - ASEAN | Nguyễn Văn Nam | Hà Nội | 2008 | | ASEAN: những chặng đường lịch sử |
| 70. | Lịch sử Đông Nam Á | Lương Ninh (chủ biên) | Giáo dục | 2005 | | Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á |
| 71. | Biến đổi khí hậu | TS Bùi Đức Luận | Dân trí | 2014 | | Biến đổi khí hậu |
| 72. | Môi trường và phát triển bền vững | Lê Văn Khoa (chủ biên) | Giáo dục | 2009 | | Kinh tế xanh và phát triển bền vững |

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

- Giảng viên:
 - + Biên soạn đề cương chi tiết và đề cương bài giảng các học phần được phân công giảng dạy hợp lý: có mục tiêu; định hướng giảng dạy; nội dung chính của học phần; có hệ thống câu hỏi và bài tập; danh mục tài liệu; quy định rõ phương thức kiểm tra, đánh giá học phần.
 - + Cung cấp giáo trình chính, hướng dẫn sinh viên sử dụng giáo trình chính và tài liệu tham khảo. Thường xuyên cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án và đổi mới phương thức dạy học phù hợp với nhu cầu thực tế.
 - + Tăng cường thực hành, dạy học gắn với thực tế trường phổ thông và dạy học theo hướng phát triển năng lực của người học.
 - + Thực hiện quá trình giảng dạy giống như đề cương chi tiết.
- Sinh viên:
 - + Cần có ý thức tự học và rèn luyện đạo đức. Gắn quá trình học với thực hành, thực tập.
 - + Có tinh thần tìm tòi, nghiên cứu nội dung môn học để nâng cao chất lượng tự đào tạo của bản thân.
 - + Chủ động thực hiện đúng và đủ các quy định và quy chế đào tạo của nhà trường; theo dõi và cập nhật thường xuyên quy chế học vụ, chương trình đào tạo, điểm số và kết quả rèn luyện từng học kì.
 - + Nếu có vấn đề không giải quyết được, sinh viên có thể liên hệ cố vấn học tập, khoa quản lý chuyên môn và các phòng ban liên quan để được tư vấn thêm.

12.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên

- Tập trung phát triển năng lực tự đào tạo và năng lực sư phạm của mỗi cá nhân để có thể làm công tác chuyên môn sau khi tốt nghiệp.
- Gắn kết lý thuyết và thực hành: thường xuyên rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên, đồng thời kết hợp với các trường THPT trong và ngoài tỉnh tạo cơ sở để sinh viên thực tập trong quá trình học tập.
- Bước đầu hướng dẫn sinh viên làm công tác NCKH.

12.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo

- Nhà trường hiện có hệ thống cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu đào tạo của ngành học: mạng máy tính nội bộ có kết nối Internet; nhiều phòng đọc trang bị hệ thống máy chiếu, tivi; hệ thống bản đồ phong phú; có phòng thực hành nghiệp vụ sư phạm.
- Thư viện nhà trường hiện có hơn 13.500 đầu sách (giáo trình và tham khảo), có khoảng 50 tạp chí chuyên ngành và báo ...; phòng đọc có sức chứa 100 chỗ ngồi, đáp ứng đủ nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên; có phòng máy tính trang bị hiện đại để truy cập Internet và tra cứu giáo trình, sách tham khảo.



TS. Nguyễn Định